**1. QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ KHAI SINH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2022 của UBND thành phố Hà Nội)*

| **Bước** | **Chủ**  **thể** | **Quy trình chi tiết** | **Thời**  **gian** | **Trạng thái** | **Căn cứ**  **pháp lý** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.**  **Nộp**  **hồ**  **sơ** | **Công dân**  **Công dân** | Người có yêu cầu đăng ký khai sinh (Công dân) lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến từ Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (địa chỉ: [dichvucong.hanoi.gov.vn](http://dichvucong.hanoi.gov.vn))  Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu đăng ký hộ tịch (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công)  Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC.  Công dân lựa chọn:  *- Dịch vụ công trực tuyến,*  *- Quận, Huyện, Thị xã*  *- UBND xã, phường, thị trấn có thẩm quyền*  *- Lĩnh vực Hộ tịch,*  *- Thủ tục Đăng ký khai sinh.* |  | Cổng Dịch vụ công Quốc gia thực hiện đăng nhập một lần, điều hướng người dùng tới Cổng Dịch vụ công thành phố để thực hiện các bước tiếp theo  Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu | Điều 7  Nghị định  số 45/2020/NĐ-CP  Điều 12  Nghị định  số 87/2020/NĐ-CP  Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp | Công dân phải đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử |
| Công dân điền Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh **(chi tiết tại Phụ lục 1.1 đính kèm)**  Trường hợp các thông tin trong Biểu mẫu điện tử đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội, hệ thống thông tin có liên quan, được điền tự động (nếu có)  Công dân kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp  **Thành phần hồ sơ chi tiết tại Phụ lục 1.2 kèm theo** |  | Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh |  |
| Công dân chọn mục đăng ký số lượng Bản sao trích lục khai sinh, nếu có nhu cầu.  Hệ thống tự động thông báo số tiền.  - Phí 8.000đ/bản trích lục  - Lệ phí đăng ký không đúng hạn 5.000đ  Công dân có thể nộp phí, lệ phí trực tuyến trên hệ thống thanh toán trực tuyến của Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công thành phố (nếu có) hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã khi nhận kết quả.  Giấy khai sinh bản chính (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký đúng hạn 60 ngày kể từ ngày trẻ em được sinh ra), người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật)  Giấy khai sinh bản điện tử (Miễn phí) | Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi | - Thông tư số 281/2016/TT-BTC và Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính  - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND của HĐND thành phố Hà Nội |  |
| **2.**  **Tiếp nhận và**  **giải quyết hồ**  **sơ** | **Công chức Bộ phận Một cửa** | 1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống  2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin.  Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi Thông báo đến công dân (mẫu Thông báo điện tử) nêu rõ lý do và có văn bản hướng dẫn người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để công dân bổ sung, hoàn thiện.  3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:  3.1 Cập nhật thông tin vào Phần mềm Một cửa (Sổ theo dõi điện tử theo mẫu)  3.2 Xác nhận thông tin, gửi thông báo tiếp nhận (mã hồ sơ và ngày giờ trả kết quả) vào tài khoản của công dân  Chuyển hồ sơ tới công chức Tư pháp-Hộ tịch trong Phần mềm Một cửa.  4. Trường hợp công dân không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì Bộ phận Một cửa có văn bản từ chối giải quyết yêu cầu Đăng ký khai sinh. | Không quá 02 giờ làm việc kể từ khi Hệ thống báo có hồ sơ mới | Thông báo hẹn trả kết quả (hoặc văn bản từ chối/văn bản hướng dẫn)  Phiếu chuyển xử lý (thể hiện trong Phần mềm bằng lệnh chuyển) | Biểu mẫu theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ | Đề nghị hợp nhất Cổng Dịch vụ và Một cửa điện tử thành phố |
|  |
| **Công chức Tư pháp-Hộ tịch** | 1. Truy cập vào Phần mềm Một cửa nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ  2. Kiểm tra hồ sơ (Biểu mẫu, file đính kèm)  Trường hợp hồ sơ cần bổ sung hoặc từ chối, gửi thông báo tới công chức Một cửa để thông báo cho công dân  3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ  3.1 Đăng ký vào Sổ đăng ký khai sinh và lưu chính thức trên Phần mềm Đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử; chuyển hồ sơ sang CSDLQGDC lấy Số định danh cá nhân và cập nhật vào Giấy khai sinh.  3.2 In, trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký Giấy khai sinh bản chính, bản sao, điện tử | 04 giờ | - Hệ thống sẽ phân tách các thông tin tờ khai, hồ sơ đăng ký khai sinh để chuyển vào Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử  - Yêu cầu bổ sung/ từ chối giải quyết  - Cập nhật trên Hệ thống |  | Trường hợp công chức Tư pháp-Hộ tịch đồng thời là công chức Một cửa thì được phân quyền tương ứng và không phải chuyển hồ sơ |
|  | **Lãnh đạo UBND cấp xã** | Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Đối với các hồ sơ quá hạn giải quyết: có văn bản xin lỗi gửi công dân, nêu lý do quá hạn và thời hạn trả kết quả lần sau. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết:  1. Ký Giấy khai sinh bản chính, bản sao, bản điện tử (chưa đóng dấu của UBND cấp xã)  2. Chuyển lại Giấy khai sinh bản chính, bản sao, bản điện tử cho công chức Tư pháp-Hộ tịch | 01 giờ |  | Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp | Đề xuất Thư Chúc mừng bản điện tử |
| **Công chức Tư pháp-Hộ tịch** | 1. Chuyển kết quả (bản chính/bản sao/bản điện tử) tới Công chức Một cửa  2. Thông báo cho công dân đến trụ sở UBND cấp xã mang theo giấy tờ tương ứng với từng trường hợp  3. Cập nhật tình trạng hồ sơ trên Hệ thống. | 01 giờ | Chuyển hồ sơ từ Phần mềm Hộ tịch sang Phần mềm Một cửa |  |  |
| **3.**  **Trả**  **kết**  **quả** | **Công chức Một cửa**  **-**  **Công dân** | 1. Tiếp nhận hồ sơ từ công chức Tư pháp - Hộ tịch  2. Đề nghị công dân xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân, bản chính hoặc bản trích lục Giấy chứng nhận kết hôn (nếu có), hồ sơ theo Phụ lục chi tiết đối với từng trường hợp kèm theo Quy trình.  *(Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được chia sẻ, kết nối, công dân đã có xác thực định danh điện tử, công dân không cần xuất trình giấy tờ tùy thân. Trường hợp Giấy chứng nhận kết hôn được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, công dân không cần xuất trình Giấy này. Trường hợp Giấy chứng sinh, văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ được chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu của ngành y tế, công dân không phải sao chụp, nộp giấy này)*  3. Xác nhận đã đối chiếu bản chính  4. Đề nghị công dân ký vào Tờ khai đăng ký khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh theo quy định của luật hộ tịch.  5. Thu phí cấp bản trích lục khai sinh (nếu có) (8.000đ/bản trích lục)  6. Trả kết quả cho công dân: Bản chính Giấy khai sinh, Bản sao Giấy khai sinh. (Đóng dấu của UBND cấp xã)  7. Gửi Giấy khai sinh bản điện tử đến tài khoản, thư điện tử của công dân (Miễn phí)  8. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa  9. Bàn giao hồ sơ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch lưu trữ theo quy định | Trong giờ hành chính | Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia. |  | *Trường hợp giấy tờ của công dân khi nộp/xuất trình còn thiếu hoặc không chính xác thì yêu cầu công dân bổ sung đủ mới trả kết quả cho công dân* |
|  | - Điều 16 Luật hộ tịch  - Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ | *Trường hợp giấy tờ của công dân khi nộp/xuất trình không hợp pháp thì thực hiện thủ tục thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý* |

**Phụ lục 1.1.**  **NỘI DUNG BIỂU MẪU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

**I. Thông tin về người yêu cầu đăng ký khai sinh**

(1) Họ, chữ đệm, tên;

(2) Số định danh cá nhân;

(3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(5) Quan hệ với người được khai sinh.

**II. Thông tin về người được đăng ký khai sinh**

(6) Họ, chữ đệm, tên;

(7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm sinh; hệ thống tự động chuyển nội dung từ số sang ghi bằng chữ);

(8) Giới tính;

(9) Dân tộc;

(10) Quốc tịch;

(11) Nơi sinh (gồm các trường thông tin tách biệt riêng theo địa danh hành chính: số nhà; đường/phố; thôn/tổ/bản/ấp; xã, phường, thị trấn; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);

(12) Quê quán.

**III. Thông tin về người mẹ của người được khai sinh**

(13) Họ, chữ đệm, tên;

(14) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(15) Số định danh cá nhân;

(16) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(17) Dân tộc;

(18) Quốc tịch;

(19) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống).

**IV. Thông tin về người cha của người được khai sinh**

(20) Họ, chữ đệm, tên;

(21) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);

(22) Số định danh cá nhân;

(23) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;

(24) Dân tộc;

(25) Quốc tịch;

(26) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);

(27) Đề nghị cấp bản sao:

□ Có

Số lượng bản sao yêu cầu: ...

□ Không

(28) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

\* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp, nội dung đề nghị đăng ký khai sinh cho trẻ em là đúng sự thật, đã có sự thỏa thuận nhất trí của cha, mẹ trẻ theo quy định pháp luật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

\* Biểu mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nhận Giấy khai sinh (bản chính) trực tiếp tại UBND cấp xã.

Bản điện tử sẽ tự động gửi về tài khoản, thư điện tử của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký khai sinh tại UBND cấp xã.

**Phụ lục 1.2. Thẩm quyền và thành phần hồ sơ xuất trình/nộp:**

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

**Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền:**

- UBND cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em;

- Hoặc UBND cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.

- Hoặc UBND cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.

**Đối với việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ:**

- Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng.

- Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.

- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký khai sinh lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký khai sinh thì công chức UBND cấp xã phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.

- UBND cấp xã từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.

**Thành phần hồ sơ**:

***\* Giấy tờ phải xuất trình:***

- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh;

- Trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong trường hợp chưa chia sẻ Cơ sở dữ liệu hộ tịch).

***\* Giấy tờ phải nộp:***

- Bản chính Giấy chứng sinh;

Hoặc trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh;

Hoặc nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh;

- Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập. *(Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi thì sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi. Sau khi lập biên bản, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi. Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ.)*

- Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.

- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.

**Phụ lục 1.3. Thành phần hồ sơ điện tử:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Cơ sở dữ liệu/bản chụp/bản điện tử** | **Bắt buộc/không bắt buộc đính kèm** | **Xuất trình/ nộp bản chính khi nhận kết quả** | **Điều kiện**  **về kỹ thuật** |
| 1 | Giấy chứng sinh, văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ (nếu có) được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu của ngành y tế (nếu có), công dân không phải sao chụp, nộp giấy tờ này | Chia sẻ cơ sở  dữ liệu | Không bắt buộc đính kèm | Không bắt buộc xuất trình/giao nộp | Tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Y tế |
| Trường hợp chưa được tự động chia sẻ, kết nối, xác thực, công dân đăng tải |  | | | |
| Giấy chứng sinh | Giấy chứng sinh đã có chữ ký số | Bắt buộc | Nộp bản chính | Giấy chứng sinh đã có chữ ký số |
| Bản chụp | Bắt buộc | Nộp bản chính | Chụp từ bản chính |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Nộp bản chính | Giấy chứng sinh đã được chứng thực điện tử |
| *Hoặc Văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh (Trường hợp không có giấy chứng sinh)* | Văn bản đã có chữ ký số | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Văn bản đã có chữ ký số |
| Bản chụp | Bắt buộc | Nộp bản chính | Chụp từ bản chính |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh đã được chứng thực điện tử |
| *Hoặc Giấy cam đoan về việc sinh (Trường hợp không có người làm chứng*) | Giấy cam đoan đã có chữ ký số | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Giấy cam đoan đã có chữ ký số |
| Bản chụp | Bắt buộc | Nộp bản chính |  |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Giấy cam đoan về việc sinh đã được chứng thực điện tử |
| *Hoặc Trường hợp khai sinh cho trẻ sinh ra bằng phương pháp mang thai hộ, Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ* | Văn bản đã có chữ ký số | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Văn bản đã có chữ ký số |
| Bản chụp | Bắt buộc | Nộp bản chính | Chụp từ bản chính |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ đã được chứng thực điện tử |
| *Hoặc Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi, Biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do UBND cấp xã lập* | Biên bản đã có chữ ký số | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Biên bản đã có  chữ ký số |
| Bản chụp | Bắt buộc | Nộp bản chính | Chụp từ bản chính |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Biên bản đã được chứng thực điện tử |
| 2 | Giấy chứng nhận kết hôn được chia sẻ tự động từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử | Chia sẻ cơ sở  dữ liệu | Không bắt buộc | Không xuất trình, không nộp | Đã tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch |
| Trường hợp chưa được tự động chia sẻ, kết nối, xác thực, Công dân đăng tải |  | | | |
| Giấy chứng nhận kết hôn của cha/mẹ trẻ em  (Trường hợp cha, mẹ trẻ có đăng ký kết hôn) | Giấy chứng nhận đã có  chữ ký số | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Giấy chứng nhận đã có chữ ký số |
| Bản chụp | Bắt buộc | Xuất trình  Bản chính | Chụp từ bản chính |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Giấy chứng nhận kết hôn của cha/mẹ trẻ em đã được chứng thực điện tử |
| 3 | Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư đã được tích hợp, chia sẻ, kết nối, xác thực | Chia sẻ cơ sở dữ liệu | Không bắt buộc | Xuất trình  bản chính giấy tờ tùy thân | Đã tích hợp, chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư |
| Trường hợp công dân đã có xác thực định danh điện tử | Xác thực định danh điện tử công dân | Không bắt buộc | Không xuất trình  bản chính giấy tờ tùy thân | Công dân đã có xác thực định danh điện tử |
| Trường hợp Cơ sở dữ liệu dân cư chưa được tích hợp, chia sẻ, kết nối, công dân đăng tải bản chụp Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân | Giấy tờ tùy thân đã có chữ ký số | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Giấy tờ tùy thân  đã có ký số |
| Bản chụp | Bắt buộc | Xuất trình  bản chính giấy tờ tùy thân | Chụp từ bản chính |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Giấy tờ đã được chứng thực điện tử |
| 4 | Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục |  | | | |
| *Văn bản ủy quyền được công chứng, chứng thực (*Người được ủy quyền không phải là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền) | Văn bản đã có chữ ký số | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Văn bản đã có  chữ ký số |
| Bản chính | Bắt buộc | Giao nộp khi nhận kết quả tại UBND cấp xã | Chụp từ bản chính |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Văn bản đã được chứng thực điện tử |
| *Hoặc 1. Văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực và 2. Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người ủy quyền* (Người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền) | Văn bản đã có chữ ký số | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Văn bản đã có  chữ ký số |
| Bản chính | Bắt buộc | Giao nộp khi nhận kết quả tại UBND cấp xã | Chụp từ bản chính |
| Bản chứng thực điện tử | Bắt buộc | Không bắt buộc xuất trình/nộp | Văn bản ủy quyền đã được chứng thực điện tử |